
(Đề thi có 2 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 101

I. TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM).

Câu 1. Những phân tử hữu cơ được tổng hợp và tồn tại trong các tế bào sống được gọi là

- A. chất đường bột. B. chất béo. C. đạm. D. phân tử sinh học.

Câu 2. Trong tế bào nhân thực, những bào quan nào được bao bởi màng kép?

- A. Ti thể, ribosome, không bào. B. Màng sinh chất, nhân, lục lạp.
C. Nhân, ti thể, lục lạp. D. Nhân, lưới nội chất, bộ máy Golgi.

Câu 3. Tế bào nhân sơ có bao nhiêu đặc điểm dưới đây?

- (1) Không có màng nhân. (3) Không có hệ thống nội màng.
(2) Không có các bào quan. (4) Có kích thước lớn.

- A. 1. B. 4. C. 3. D. 2.

Câu 4. Carbohydrate KHÔNG có vai trò nào sau đây?

- A. Dự trữ năng lượng cho các hoạt động sống.
B. Làm nguyên liệu để cấu trúc nên một số thành phần tế bào.
C. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của tế bào.
D. Tiếp nhận thông tin từ bên trong cũng như ngoài tế bào.

Câu 5. Trong phân tử RNA KHÔNG có loại đơn phân nào?

- A. Cytosine. B. Thymine. C. Adenine. D. Uracil.

Câu 6. Quá trình tổng hợp protein diễn ra tại bào quan nào?

- A. Nhân. B. Ribosome. C. Lysosome. D. Bộ máy Golgi.

Câu 7. Thành phần hóa học quan trọng cấu tạo nên thành tế bào vi khuẩn là

- A. Phospholipid. B. Chitin. C. Cellulose. D. Peptidoglycan.

Câu 8. Đặc tính nào quan trọng nhất đảm bảo tính bền vững và ổn định tương đối của tổ chức sống?

- A. Trao đổi chất và năng lượng. B. Khả năng tự điều chỉnh.
C. Khả năng tiến hóa. D. Sinh trưởng và phát triển.

Câu 9. Trong mọi tế bào sống, thành phần nào chiếm chủ yếu?

- A. Protein. B. Nước. C. Vitamin. D. Glucose.

Câu 10. Đặc tính nổi trội của các cấp tổ chức sống là gì?

A. Mỗi cấp tổ chức sống được cấu tạo từ những bộ phận nhỏ hơn tương tác với nhau tạo nên những đặc điểm mà cấp tổ chức nhỏ hơn đã có.

B. Mỗi cấp tổ chức sống được cấu tạo từ những bộ phận nhỏ hơn tương tác với nhau tạo nên những đặc điểm mới mà cấp tổ chức nhỏ hơn không có.

C. Thế giới sống gồm nhiều cấp độ khác nhau được tổ chức từ đơn giản đến phức tạp.

D. Mỗi cấp tổ chức sống được cấu tạo từ những bộ phận nhỏ hơn tương tác với nhau tạo nên những đặc điểm mới mà cấp tổ chức nhỏ hơn không có.

Câu 11. Tế bào là đơn vị cơ bản cấu tạo nên mọi

- A. cơ thể sống. B. quần thể. C. bào quan. D. quần xã.

Câu 12. Nước có vai trò nào trong tế bào?

A. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của tế bào.

B. Chiếm phần nhỏ trong cấu tạo tế bào, là dung môi hòa tan các chất hữu cơ.

C. Thành phần chủ yếu cấu tạo tế bào, hòa tan nhiều chất cần thiết cho hoạt động sống của tế bào, nguyên liệu và môi trường của các phản ứng sinh hóa.

D. Thành phần nhỏ cấu tạo nên tế bào, cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của tế bào, là môi trường của các phản ứng sinh hóa.

Câu 13. Bào quan nào sau đây chỉ có ở tế bào thực vật mà không có ở tế bào động vật?

- A. Bộ máy Golgi. B. Lục lạp. C. Ribosome. D. Nhân tế bào.

Câu 14. Mối quan hệ hữu cơ giữa các cấp độ tổ chức dựa trên hoạt động sống ở cấp nào?
A. Tế bào. B. Cơ thể. C. Quần thể. D. Quần xã.

Câu 15. Nhận định nào sau đây KHÔNG đúng về các nguyên tố chủ yếu của sự sống?
A. Có thể liên kết với nhau và với các nguyên tố khác tạo nên các phân tử và đại phân tử.
B. Là những nguyên tố phổ biến trong tự nhiên.
C. Hợp chất của những nguyên tố này luôn luôn hòa tan được trong nước.
D. Có tính chất lý, hóa phù hợp với các tổ chức sống.

Câu 16. Ở người, thiếu iodine sẽ dẫn đến
A. tóc khô, mắt ngủ, giảm nhận biết mùi vị. B. khô mắt, dễ mắc bệnh quáng gà.
C. suy giảm thị lực, mệt mỏi và choáng váng. D. tuyến giáp phát triển bất thường dẫn đến bướu cổ.

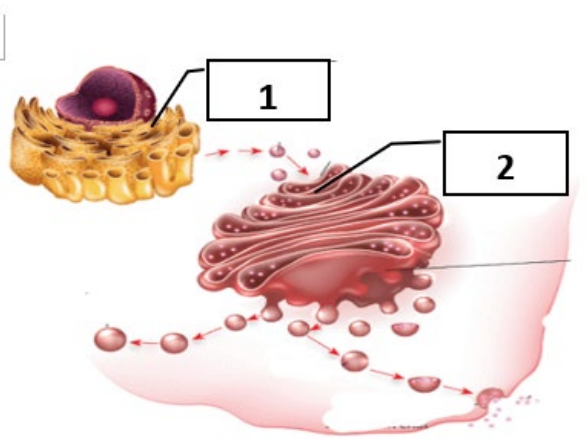
Câu 17. Trong các loại tế bào sau của cơ thể người, loại tế bào nào có nhiều ti thể nhất?
A. Tế bào cơ tim. B. Tế bào bạch cầu. C. Tế bào gan. D. Tế bào biểu bì.

Câu 18. Đặc điểm chung của thế giới sống gồm:
A. tổ chức phức tạp, hệ mở, tự điều chỉnh và liên tục tiến hóa.
B. tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc, hệ mở, tự điều chỉnh và liên tục tiến hóa.
C. tổ chức từ đơn giản đến phức tạp, hệ thống khép kín và liên tục tiến hóa.
D. hệ mở, tự điều chỉnh và tổ chức từ loại chưa có cấu tạo tế bào như virus tới các sinh vật đa bào và không ngừng tiến hóa.

Câu 19. Phospholipid có chức năng gì?
A. Là chất dự trữ năng lượng của tế bào và cơ thể. C. Cấu trúc màng tế bào.
B. Giúp tế bào thay đổi hình dạng cũng như di chuyển. D. Cấu trúc nên các bào quan, bộ khung tế bào.

Câu 20. Phân tử nước được cấu tạo gồm
A. hai nguyên tử oxygen liên kết với một nguyên tử hydrogen bằng liên kết cộng hóa trị.
B. một nguyên tử oxygen liên kết với hai nguyên tử hydrogen bằng liên kết hydrogen.
C. một nguyên tử oxygen liên kết với hai nguyên tử hydrogen bằng liên kết cộng hóa trị.
D. hai nguyên tử oxygen liên kết với một nguyên tử hydrogen bằng liên kết hydrogen.

Câu 21. Hãy quan sát các sơ đồ cấu trúc dưới đây và xác định đúng tên các bào quan tương ứng ở tế bào nhân thực.



A. Hình 1 – lưới nội chất, hình 2 – bộ máy Golgi B. Hình 1 – bộ máy Golgi, hình 2 – lưới nội chất.
C. Hình 1 – nhân, hình 2 – lysosome. D. Hình 1 – lysosome, hình 2 – nhân.

II. TỰ LUẬN (3 ĐIỂM).

Câu 1: (2 điểm)

- a. Phân biệt chức năng của lưới nội chất hạt và lưới nội chất trơn. (1 điểm)
b. Vì sao trong các tế bào của cùng một cơ thể, bạch cầu là loại tế bào có lysosome rất phát triển?(1 điểm)

Câu 2: (1 điểm)

Một đoạn DNA có 2400 nucleotide. Số nucleotide loại G gấp đôi số nucleotide loại A.

Hãy xác định:

- a. Số nucleotide mỗi loại của đoạn DNA. (0.5 điểm)
b. Tính tỉ lệ % từng loại nucleotide. (0.5 điểm)

----- HẾT -----

(Đề thi có 2 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 102

I. TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM).

Câu 1. Đơn vị cơ bản cấu tạo nên mọi cơ thể sống là gì?

- A. Tế bào. B. Quần thể. C. Cơ thể. D. Quần xã.

Câu 2. Trong các ý sau, tế bào nhân sơ KHÔNG có bao nhiêu đặc điểm?

- (1) Có màng nhân. (3) Không có hệ thống nội màng.
(2) Không có các bào quan có màng bao bọc. (4) Có kích thước lớn.
A. 2. B. 1. C. 3. D. 4.

Câu 3. Phospholipid có chức năng gì? A. Là chất dự trữ năng lượng của tế bào và cơ thể.

- B. Giúp tế bào thay đổi hình dạng cũng như di chuyển.
C. Cấu trúc nên các bào quan, bộ khung tế bào. D. Cấu trúc màng tế bào.

Câu 4. Phân tử nước được cấu tạo gồm

- A. hai nguyên tử oxygen liên kết với một nguyên tử hydrogen bằng liên kết hydrogen.
B. một nguyên tử oxygen liên kết với hai nguyên tử hydrogen bằng liên kết cộng hóa trị.
C. hai nguyên tử oxygen liên kết với một nguyên tử hydrogen bằng liên kết cộng hóa trị.
D. một nguyên tử oxygen liên kết với hai nguyên tử hydrogen bằng liên kết hydrogen.

Câu 5. Thành phần nào sau đây chiếm chủ yếu trong tế bào sống?

- A. Carbohydrate. B. Lipid. C. Nước. D. Protein.

Câu 6. Trong các loại tế bào sau của cơ thể người, loại tế bào nào có nhiều ti thể nhất?

- A. Tế bào bạch cầu. B. Tế bào cơ tim. C. Tế bào biểu bì. D. Tế bào gan.

Câu 7. Loại đường nào sau đây thuộc nhóm đường đơn?

- A. Chitin, cellulose. B. Maltose, sucrose. C. Glucose, sucrose. D. Fructose, glucose.

Câu 8. Bào quan nào sau đây chỉ có ở tế bào động vật mà không có ở tế bào thực vật?

- A. Ribosome. B. Nhân tế bào. C. Bộ máy Golgi. D. Trung thể.

Câu 9. Phân tử sinh học là gì?

- A. Những phân tử vô cơ và hữu cơ được tổng hợp trong các tế bào sống.
B. Những phân tử hữu cơ được tổng hợp và mất đi trong các tế bào sống.
C. Những phân tử vô cơ được tổng hợp và tồn tại trong các tế bào sống.
D. Những phân tử hữu cơ được tổng hợp và tồn tại trong các tế bào sống.

Câu 10. Trong tế bào nhân thực, những bào quan nào được bao bởi màng kép?

- A. Màng sinh chất, nhân, lục lạp. B. Ti thể, ribosome, không bào.
C. Nhân, ti thể, lục lạp. D. Nhân, lưới nội chất, bộ máy Golgi.

Câu 11. Đặc tính nào quan trọng nhất đảm bảo tính bền vững và ổn định tương đối của tổ chức sống?

- A. Khả năng tự điều chỉnh. B. Trao đổi chất và năng lượng.
C. Khả năng tiến hóa. D. Sinh trưởng và phát triển.

Câu 12. Mỗi cấp tổ chức sống đều được cấu thành từ những bộ phận nhỏ hơn tương tác với nhau tạo nên những đặc điểm mới mà cấp tổ chức nhỏ hơn không có là... của các cấp tổ chức sống. Lựa chọn phương án đúng điền vào “...” để hoàn thiện nhận định trên.

- A. đặc điểm mới. B. đặc điểm đặc trưng.
C. đặc điểm phức tạp. D. đặc tính nổi trội.

Câu 13. Bào quan nào sau đây được xem là “nhà máy” tổng hợp protein của tế bào?

- A. Lysosome. B. Bộ máy Golgi. C. Nhân. D. Ribosome.

Câu 14. Trong phân tử DNA KHÔNG có loại đơn phân nào?

- A. Cytosine. B. Adenine. C. . Uracil. D. Thymine

Câu 15. Protein có vai trò nào sau đây?

- A. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của tế bào.

- B. Tham gia cấu trúc các bào quan, bộ khung tế bào.
- C. Tiếp nhận thông tin từ bên trong cũng như ngoài tế bào.
- D. Dự trữ năng lượng cho các hoạt động sống.

Câu 16. Thế giới sống KHÔNG có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có khả năng tự điều chỉnh.
- B. Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc.
- C. Là hệ thống khép kín và tiến hóa rất chậm.
- D. Là hệ mở.

Câu 17. Mỗi quan hệ hữu cơ giữa các cấp độ tổ chức sống dựa trên các hoạt động sống ở cấp độ tế bào, thể hiện mối quan hệ giữa

- A. tế bào và các cấp tổ chức sống.
- B. các quần thể sinh vật với nhau.
- C. tổ chức sống cấp thấp với tổ chức sống cấp trên.
- D. các cơ thể sống với nhau.

Câu 18. Thành phần hóa học quan trọng cấu tạo nên thành tế bào vi khuẩn là

- A. Cellulose.
- B. Phospholipid.
- C. Peptidoglycan.
- D. Chitin.

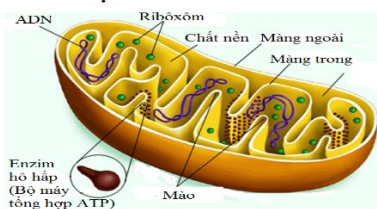
Câu 19. Ở người, để tuyến giáp hoạt động bình thường cần chú ý

- A. đảm bảo cung cấp đủ vitamin D trong khẩu phần ăn.
- B. đảm bảo cung cấp đủ iodine trong khẩu phần ăn.
- C. đảm bảo cung cấp đủ vitamin C trong khẩu phần ăn.
- D. đảm bảo cung cấp đủ sắt trong khẩu phần ăn.

Câu 20. Trong tế bào, nước KHÔNG có vai trò nào?

- A. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của tế bào.
- B. Góp phần định hình cấu trúc không gian đặc trưng của nhiều phân tử hữu cơ trong tế bào, đảm bảo cho chúng thực hiện chức năng sống.
- C. Thành phần chủ yếu cấu tạo tế bào và cơ thể.
- D. Hòa tan nhiều chất cần thiết cho hoạt động sống của tế bào, nguyên liệu và môi trường của các phản ứng sinh hóa.

Câu 21. Hãy quan sát các sơ đồ cấu trúc dưới đây và xác định đúng tên các bào quan tương ứng ở tế bào nhân thực.



Hình 1

- A. Hình 1 – ti thể, hình 2 – ribosome.
- C. Hình 1 – lục lạp, hình 2 – lysosome.



Hình 2

- B. Hình 1 – bộ máy Golgi, hình 2 – không bào.
- D. Hình 1 – ti thể, hình 2 – nhân.

II. TỰ LUẬN (3 ĐIỂM).

Câu 1: (2 điểm)

- a. Phân biệt chức năng của lưới nội chất hạt và lưới nội chất trơn. (1 điểm)
- b. Vì sao trong các tế bào của cùng một cơ thể, lưới nội chất trơn phát triển mạnh ở tế bào gan? (1 điểm)

Câu 2: (1 điểm)

Một đoạn DNA có 4800 nuclêotide. Số nuclêotide loại A gấp đôi số nuclêotide loại G.

Hãy xác định:

- a. Số nuclêotide mỗi loại của đoạn DNA. (0,5 điểm)
- b. Tính tỉ lệ % từng loại nuclêotide. (0,5 điểm)

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
101	D	C	D	D	B	B	D	B	B	B	A	C	B	A	C	D	A	B	C	C	A
103	A	B	A	B	A	A	A	C	C	A	D	A	A	C	A	C	D	A	A	C	A
105	B	C	A	A	C	A	C	C	C	D	A	B	D	D	B	A	A	D	D	D	A
107	A	B	C	D	A	A	D	A	A	A	D	B	A	D	B	D	A	D	D	A	A

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
102	A	A	D	B	C	B	D	D	D	C	A	D	D	C	C	C	A	C	B	A	A
104	B	A	D	D	C	B	D	B	D	A	B	B	C	C	D	D	A	A	C	D	A
106	A	A	A	A	B	D	C	B	D	B	C	A	D	D	D	A	C	D	B	D	A
108	A	B	C	B	C	C	A	D	A	B	C	B	C	B	A	D	D	C	D	B	A

Phần II. Tự luận (3 điểm)

(Đề 101, 103, 105, 107)

Câu 1: (2 điểm)

a. Phân biệt chức năng của lưới nội chất hạt và lưới nội chất trơn. (1 điểm)

	Lưới nội chất hạt	Lưới nội chất trơn
Chức năng	Trên thành có đính các hạt ribosome: Tổng hợp protein tiết ra ngoài tế bào và các protein cấu tạo nên màng tế bào. (0.5 điểm)	- Có rất nhiều loại enzyme Tham gia chuyển hóa lipid, chuyển hóa đường. (0.25 điểm) - Phân hủy các chất độc hại với cơ thể. (0.25 điểm)

b. Vì sao trong các tế bào của cùng một cơ thể, tế bào bạch cầu có rất nhiều lysosome? (1 điểm)

- Lysosome là bào quan chứa các enzyme thủy phân protein, nucleic acid, carbohydrate, lipid và các tế bào cần thay thế. (0.5 điểm)

- Tế bào bạch cầu có chức năng tiêu diệt các vi khuẩn cũng như các tế bào bệnh lí và tế bào già nên cần có nhiều lizôxôm. (0.5 điểm)

Câu 2: (1 điểm)

Một đoạn DNA có 2400 nucleotide. Số nucleotide loại G gấp đôi số nucleotide loại A.

Hãy xác định:

a. Số nucleotide mỗi loại của đoạn DNA. (0.5 điểm)

Có: - N= 2400 (nu).

- G= 2A.

N= 2A+ 2G (0.25 điểm)

=> 2400= 6A

=> $\left\{ \begin{array}{l} A= T= 400 \text{ (nu)} \\ G= C= 800 \text{ (nu)} \end{array} \right.$

(Tính được đủ số lượng 4 loại nucleotide được 0.25 điểm)

b. Tính tỉ lệ % từng loại nucleotide.

%A= %T= (400: 2400) x 100 = 16,7% (0.25 điểm).

%G= %C= (800: 2400) x 100 = 33,3% (0.25 điểm).

(Đề 102, 104, 106, 108)

Câu 1: (2 điểm)

a. Phân biệt chức năng của lưới nội chất hạt và lưới nội chất trơn.

Phân biệt chức năng của lưới nội chất hạt và lưới nội chất trơn. (1 điểm)

	Lưới nội chất hạt	Lưới nội chất trơn
Chức năng	Trên thành có đính các hạt ribosome: Tổng hợp protein tiết ra ngoài tế bào và các protein cấu tạo nên màng tế bào. (0.5 điểm)	- Có rất nhiều loại enzyme Tham gia chuyển hóa lipid, chuyển hóa đường. (0.25 điểm) - Phân hủy các chất độc hại với cơ thể. (0.25 điểm)

b. Vì sao trong các tế bào của cùng một cơ thể, tế bào gan có rất nhiều lưới nội chất trơn? (1 điểm)

Tế bào gan có lưới nội chất trơn phát triển nhất, bởi vì:

- Lưới nội chất trơn có chức năng tham gia tổng hợp lipid, chuyển hóa đường và phân hủy chất độc hại. (0.5 điểm).

- Các tế bào gan có chức năng chuyển hóa đường, lipid và protein đồng thời gan cũng tham gia vào khử độc các chất như rượu và nhiều loại hóa chất độc hại khác. Bởi vậy, lưới nội chất trơn ở tế bào gan rất phát triển, đảm bảo cho gan thực hiện được những chức năng sinh học của nó. (0.5 điểm)

Câu 2: (1 điểm)

Một đoạn DNA có 4800 nuclêôtide. Số nuclêôtide loại A gấp đôi số nuclêôtide loại G.

Hãy xác định:

a. Số nuclêôtide mỗi loại của đoạn DNA.

b. Tính tỉ lệ % từng loại nuclêôtide.

Có: - $N = 4800$ (nu).

$$- A = 2G.$$

$$N = 2A + 2G \text{ (0.25 điểm)}$$

$$\Rightarrow 4800 = 6G$$

$$\Rightarrow \left\{ \begin{array}{l} G = C = 800 \text{ (nu).} \\ A = T = 1600 \text{ (nu).} \end{array} \right.$$

(Tính được đủ số lượng 4 loại nucleotide được 0.25 điểm)

b. Tính tỉ lệ % từng loại nucleotide.

$$\%A = \%T = (1600 : 4800) \times 100 = 33,3\% \text{ (0.25 điểm)}.$$

$$\%G = \%C = (800 : 4800) \times 100 = 16,7\% \text{ (0.25 điểm)}.$$

(HS tính cách khác cho kết quả đúng vẫn được điểm tối đa)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I- NĂM HỌC 2024-2025
 MÔN: SINH HỌC LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	% tổng điểm
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
	Bài 3. Các cấp độ tổ chức của thế giới sống	– Các cấp độ tổ chức của thế giới sống. – Đặc điểm chung của các cấp độ tổ chức sống.	3	3,0	2	3,0					5		6,0	16,7
	Bài 4. Các nguyên tố hoá học trong tế bào	– Khái quát học thuyết tế bào. – Các nguyên tố hoá học trong tế bào. – Nước và vai trò của nước trong tế bào.	4	4,0	1	1,5					5		5,5	16,7
	Bài 5. Các phân tử sinh học	– Khái niệm và thành phần cấu tạo của các phân tử sinh học trong tế bào. – Cấu tạo và vai trò của các phân tử sinh học trong tế bào: carbohydrate, lipid, protein, nucleic acid.	2	2,0	2	3,0			1	9,5	4	1	14,5	23,3

Bài 7. Tế bào nhân sơ	– Đặc điểm chung của tế bào nhân sơ. – Cấu tạo của tế bào nhân sơ.			2	3,0					2		3,0	6,7
Bài 8. Tế bào nhân thực	– Đặc điểm chung của tế bào nhân sơ. – Cấu tạo của tế bào nhân sơ.	3	3,0	2	3,0	1	10			5	1	16	36,7
Tổng		12	12,0	9	13,5	1	10	1	9,5	21	2	45,0	100
Tỉ lệ (%)		40		30		20		10					
Tỉ lệ chung (%)		70				30							

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,33 điểm/câu;

BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I-NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: SINH HỌC LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	Các cấp tổ chức của thế giới sống	Bài 3. Các cấp độ tổ chức của thế giới sống	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none">- Các đặc điểm chung của thế giới sống. (C1- TN)- Nêu được đặc tính nổi trội của các cấp tổ chức sống (C2- TN)- Đơn vị cơ bản cấu tạo nên mọi cơ thể sống. (C3- TN) <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none">- Hiểu được mối quan hệ giữa tế bào và các cấp tổ chức sống. (C13- TN)- Hiểu được đặc tính quan trọng nhất đảm bảo tính bền vững và ổn định tương đối của tổ chức sống. (C14- TN)	3	2		
	Thành phần hóa học của tế bào	Bài 4. Các nguyên tố hoá học trong tế bào	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none">- Thành phần chiếm chủ yếu trong tế bào sống. (C4- TN)- Vai trò của Iodine đối với cơ thể người. (C5- TN)- Vai trò của nước trong tế bào sống. (C6- TN)- Cấu tạo của phân tử nước. (C7- TN) <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none">- Đặc điểm về các nguyên tố chủ yếu của sự sống (C, H, O, N). (C15- TN)	4	1		

			<ul style="list-style-type: none"> - Các loại đường đơn. (C15- TN) - Đơn phân tham gia cấu tạo nên phân tử prôtêin. (C15- TN) 				
		Bài 5. Các phân tử sinh học	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm phân tử sinh học. (C8- TN) - Trình bày được thành phần cấu tạo và vai trò của phân tử sinh học. (C9- TN) <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn phân tham gia cấu tạo nên phân tử DNA, cacborhydrate. (C16- TN) - Chức năng chính của phospholipid. (C17- TN) <p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được tỷ lệ % và số lượng từng loại nucleotid của DNA (C2- TL) 	2	2		1
	Cấu trúc tế bào	Bài 7. Tế bào nhân sơ	<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm chung của tế bào nhân sơ. (C18- TN) - Thành phần hóa học quan trọng cấu tạo nên thành tế bào vi khuẩn. (C19- TN) 		2		

		<p>Bài 8. Tế bào nhân thực</p> <p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng của bào quan ribosome của tế bào nhân thực. (C10- TN) - Bào quan chỉ có ở tế bào thực vật mà không có ở tế bào động vật hoặc ngược lại. (C11- TN) - Trong cơ thể người, tế bào có nhiều ti thể nhất. (C12- TN) <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát các sơ đồ cấu trúc và xác định đúng tên các bào quan tương ứng ở sinh vật nhân thực. (C20- TN) - Các bào quan được bao bọc bởi màng kép. (C21- TN) <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt chức năng của lưới nội chất hạt và lưới nội chất trơn ở tế bào nhân thực. (C1a- TL) - Trong các loại tế bào của cơ thể người, loại tế bào nào có nhiều lizôxôm hoặc nhiều ribosome nhất? Giải thích. . (C1b- TL) 	3	2	1	
	Tổng		12	9	1	1